



PHỤ LỤC 1

(Kèm theo bản công bố số 170 / BVCCTWW ngày 19 tháng 3 năm 2025)

THÔNG TIN CHUNG VỀ ĐÀO TẠO THỰC HÀNH TẠI BỆNH VIỆN

I ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC

STT	Mã đào tạo	Trình độ	Ngành/ chuyên ngành	Môn học/học phần/Tín chỉ	Nội dung	Tên khoa/đơn vị thực hành	Số lượng NGD đạt yêu cầu ở khoa/ đơn vị	Số lượng người học TH tối đa theo NGD	Số giường /ghế răng tại khoa đạt yêu cầu TH	Số lượng người học TH tối đa theo giường / ghế răng	Số lượn g đang học	Số lượng có thể nhận thêm
1	7720603	Đại học	Kỹ thuật Phục hồi chức năng	Phục hồi chức năng	Khám chữa bệnh chuyên ngành phục hồi chức năng	Khoa Đột quy	5	50	35	105	0	50
				Vận động trị liệu	Thiết lập mục tiêu, chương trình điều trị Vật lý trị liệu trên từng người bệnh	Khoa Lão	5	50	35	105	0	50
				Xoa bóp trị liệu	Khám xét, lượng giá bệnh thuộc hệ thần kinh - cơ, hệ cơ - xương	Trung tâm PHCN và Khí công dưỡng sinh	5	50	15	45	0	45

Nhữ

STT	Mã đào tạo	Trình độ	Ngành/ chuyên ngành	Môn học/học phần/Tín chỉ	Nội dung	Tên khoa/đơn vị thực hành	Số lượng NGD đạt yêu cầu ở khoa/ đơn vị	Số lượng người học TH tối đa theo NGD	Số giường /ghế răng tại khoa đạt yêu cầu TH	Số lượng người học TH tối đa theo giường /ghế răng	Số lượng đang học	Số lượng có thể nhận thêm
				Bệnh lý và vật lý trị liệu	Khám xét, lượng giá bệnh thuộc hệ thần kinh - cơ, hệ cơ - xương	Khoa Điều trị cột sống	5	50	43	129	0	50
				Ngôn ngữ trị liệu	Khám chữa bệnh chuyên ngành Ngôn ngữ trị liệu	Khoa Nhi	5	50	50	150	0	50
				Chẩn đoán hình ảnh	Đọc phim X quang, siêu âm cơ bản	Khoa Chẩn đoán hình ảnh	3	30			0	10
2	7720201	Đại học	Dược	Dược lý	Dược lý	Khoa Dược	5	50			0	50
				Dược liệu	Dược liệu	Trung tâm ứng dụng và phát triển Y dược cổ truyền	6	60			0	50
				Dược lâm sàng	Dược lâm sàng	Khoa Đột quy	5	50	35	105	0	50
3	7720101	Đại học	Y khoa (Y đa khoa)	Nội khoa	Thực hành khám chữa bệnh Nội khoa	Khoa Nội	5	50	40	120	0	50

STT	Mã đào tạo	Trình độ	Ngành/ chuyên ngành	Môn học/học phần/Tín chỉ	Nội dung	Tên khoa/đơn vị thực hành	Số lượng NGD đạt yêu cầu ở khoa/ đơn vị	Số lượng người học TH tối đa theo NGD	Số giường /ghế răng tại khoa đạt yêu cầu TH	Số lượng người học TH tối đa theo giường / ghế răng	Số lượn g đang học	Số lượng có thể nhận thêm
				Nhi khoa	Thực hành khám chữa bệnh Nhi khoa	Khoa Nhi	5	50	50	150	0	50
				Ngoại khoa	Thực hành khám chữa bệnh Ngoại khoa	Khoa Ngoại	5	50	5	15	0	15
				Da liễu	Thực hành khám chữa bệnh Da liễu	Khoa Khám bệnh đa khoa	2	20			0	10
				Nhãn khoa	Thực hành khám chữa bệnh Nhãn khoa	Khoa Ngũ quan	2	20			0	10
				Răng hàm mặt	Thực hành khám chữa bệnh Răng hàm mặt	Khoa Ngũ quan	4	40			0	10
				Sản khoa	Thực hành khám chữa bệnh Sản khoa	Khoa Khám bệnh đa khoa	2	20			0	10
				Hồi sức cấp cứu	Thực hành Hồi sức cấp cứu	Khoa Hồi sức cấp cứu	4	40	18	54	0	40

Nhà

STT	Mã đào tạo	Trình độ	Ngành/ chuyên ngành	Môn học/học phần/Tín chỉ	Nội dung	Tên khoa/đơn vị thực hành	Số lượng NGD đạt yêu cầu ở khoa/ đơn vị	Số lượng người học TH tối đa theo NGD	Số giường /ghế răng tại khoa đạt yêu cầu TH	Số lượng người học TH tối đa theo giường /ghế răng	Số lượn g đang học	Số lượng có thể nhận thêm
				Tai - Mũi - Họng	Thực hành Tai - Mũi - Họng	Khoa Khám bệnh đa khoa	2	20			0	10
4	7720501	Đại học	Răng hàm mặt	Chữa răng- nội nha	Thực hành Chữa răng- nội nha	Khoa Ngũ quan	2	20			0	10
				Chẩn đoán hình ảnh nha khoa	Thực hành Chẩn đoán hình ảnh nha khoa	Khoa Ngũ quan	2	20			0	10
				Răng trẻ em	Thực hành Răng trẻ em	Khoa Ngũ quan	2	20			0	10
				Chỉnh hình răng mặt	Thực hành Chỉnh hình răng mặt	Khoa Ngũ quan	2	20			0	10
				Nha chu	Thực hành Nha chu	Khoa Ngũ quan	2	20			0	10
5	7720602	Đại học	Kỹ thuật hình ảnh y học	Khám chữa bệnh X quang, chụp vú, chụp CLVT và phụ can thiệp	Khám chữa bệnh X quang, chụp vú, chụp CLVT và phụ can thiệp	Khoa Chẩn đoán hình ảnh	2	10			0	10
				Khám chữa bệnh MRI và Siêu âm	Khám chữa bệnh MRI và Siêu âm	Khoa Chẩn đoán hình ảnh	2	10			0	10

STT	Mã đào tạo	Trình độ	Ngành/ chuyên ngành	Môn học/học phần/Tín chỉ	Nội dung	Tên khoa/đơn vị thực hành	Số lượng NGD đạt yêu cầu ở khoa/ đơn vị	Số lượng người học TH tối đa theo NGD	Số giường /ghế răng tại khoa đạt yêu cầu TH	Số lượng người học TH tối đa theo giường / ghế răng	Số lượn g đang học	Số lượng có thể nhận thêm
6	7720601	Đại học	Kỹ thuật Xét nghiệm y học	Thực hành kỹ thuật Xét nghiệm y học	Kỹ thuật xét nghiệm huyết học	Khoa Xét nghiệm	2	20			0	20
					Kỹ thuật xét nghiệm sinh hóa	Khoa Xét nghiệm	2	20			0	20
					Kỹ thuật xét nghiệm vi sinh, sinh học phân tử, tế bào học	Khoa Xét nghiệm	2	20			0	20
7	7720301	Đại học	Cử nhân Điều dưỡng	Nội khoa	Điều dưỡng Nội khoa thực hành	Khoa Nội	5	50	40	120	0	50
				Nhi khoa	Điều dưỡng Nhi khoa thực hành	Khoa Nhi	5	50	50	150	0	50
				Ngoại khoa	Điều dưỡng Ngoại khoa thực hành	Khoa Ngoại	5	50	5	15	0	15
				Da liễu	Điều dưỡng Da liệu thực hành	Khoa Khám bệnh đa khoa	2	20			0	10
				Nhãn khoa	Điều dưỡng Nhãn khoa thực hành	Khoa Ngũ quan	2	20			0	10
				Răng hàm mặt	Điều dưỡng Răng hàm mặt thực hành	Khoa Ngũ quan	4	40			0	5

Handwritten signature/initials.

STT	Mã đào tạo	Trình độ	Ngành/ chuyên ngành	Môn học/học phần/Tín chỉ	Nội dung	Tên khoa/đơn vị thực hành	Số lượng NGD đạt yêu cầu ở khoa/ đơn vị	Số lượng người học TH tối đa theo NGD	Số giường /ghế răng tại khoa đạt yêu cầu TH	Số lượng người học TH tối đa theo giường /ghế răng	Số lượn g đang học	Số lượng có thể nhận thêm
				Sân khoa	Điều dưỡng Sản thực hành	Khoa Khám bệnh đa khoa	1	10			0	10

II ĐÀO TẠO CAO ĐẲNG

STT	Mã đào tạo	Trình độ	Ngành/ chuyên ngành	Môn học/học phần/Tín chỉ	Nội dung	Tên khoa/đơn vị thực hành	Số lượng NGD đạt yêu cầu ở khoa/đ n vị	Số lượng người học TH tối đa theo NGD	Số giường /ghế răng tại khoa đạt yêu cầu TH	Số lượng người học TH tối đa theo giường /ghế răng	Số lượn g đang học	Số lượng có thể nhận thêm
1	6720101	Cao đẳng	Y sĩ đa khoa	Chăm sóc bệnh học ngoại	Chăm sóc bệnh học ngoại	Khoa Ngoại	5	50	5	15	0	15
				Tiêm truyền	Tiêm truyền	Khoa Điều trị Cột sống	5	50	18	54	0	50
				Hồi sức cấp cứu	Hồi sức cấp cứu	Khoa Hồi sức cấp cứu	5	50	18	54	0	50
2	52720201	Cao đẳng	Y sỹ YHCT	Bệnh học	Bệnh học	Khoa Nội	5	50	25	75	0	50

STT	Mã đào tạo	Trình độ	Ngành/ chuyên ngành	Môn học/học phần/Tín chỉ	Nội dung	Tên khoa/đơn vị thực hành	Số lượng NGD đạt yêu cầu ở khoa/ đơn vị	Số lượng người học TH tối đa theo NGD	Số giường /ghế răng tại khoa đạt yêu cầu TH	Số lượng người học TH tối đa theo giường /ghế răng	Số lượn g đang học	Số lượng có thể nhận thêm
						Khoa Điều trị quốc tế	5	50	25	75	0	50
				Nhi khoa	Nhi khoa	Trung tâm Điều trị và chăm sóc trẻ Tự kỷ, Bại não	5	50	86	258	0	50
				Ngoại khoa	Ngoại khoa	Khoa Ngoại châm tê	5	50	5	15	0	50
3	6720602	Cao đẳng	Kỹ thuật hình ảnh y học	Kỹ thuật hình ảnh y học Siêu âm	Thực hành kỹ thuật hình ảnh y học Siêu âm	Khoa chẩn đoán hình ảnh	2	10			0	10
				Kỹ thuật hình ảnh y học X quang, MRI, CT	Thực hành kỹ thuật hình ảnh y học X quang, MRI, CT	Khoa chẩn đoán hình ảnh	2	10			0	10
4	6720602	Cao đẳng	Kỹ thuật xét nghiệm y học	Kỹ thuật xét nghiệm y học	Kỹ thuật xét nghiệm huyết học, sinh học, vi sinh, miễn dịch, sinh học phân tử, tế bào học	Khoa Xét nghiệm	5	50			0	50

III ĐÀO TẠO SAU ĐẠI HỌC

N
JU
NG

nhd

STT	Mã đào tạo	Trình độ	Ngành/ chuyên ngành	Môn học/học phần/Tín chỉ	Nội dung	Tên khoa/đơn vị thực hành	Số lượng NGD đạt yêu cầu ở khoa/ đơn vị	Số lượng người học TH tối đa theo NGD	Số giường /ghế răng tại khoa đạt yêu cầu TH	Số lượng người học TH tối đa theo giường / ghế răng	Số lượn g đang học	Số lượng có thể nhận thêm
5	60720150	BS Nội trú	YHCT	Y học hiện đại	Hồi sức cấp cứu	Khoa Hồi sức cấp cứu	4	40	18	54	0	40
					Chuyên ngành Nội Khoa	Khoa Nội	5	50	25	75	0	50
					Chuyên ngành Ngoại khoa	Khoa Ngoại	3	30	5	15	0	30
				Y học cổ truyền	Phương tế, Kỹ thuật bào chế một số dạng thuốc YHCT	Trung tâm Ứng dụng và phát triển YDHCT	4	40			0	40
					Châm cứu	Khoa Điều trị Quốc tế	4	40			0	40
					Khí công - Dưỡng sinh - XBBH	Trung tâm PHCN và Khí công dưỡng sinh	4	40	15	45	0	40
				YHCT kết hợp YHHĐ	Nội tổng hợp YHCT kết hợp YHHĐ	Khoa Đột Quy	5	50	35	105	0	50
					Ngoại YHCT kết hợp YHHĐ	Khoa Điều trị Cột sống	3	30	43	129	0	30

STT	Mã đào tạo	Trình độ	Ngành/ chuyên ngành	Môn học/học phần/Tín chỉ	Nội dung	Tên khoa/đơn vị thực hành	Số lượng NGD đạt yêu cầu ở khoa/ đơn vị	Số lượng người học TH tối đa theo NGD	Số giường /ghế răng tại khoa đạt yêu cầu TH	Số lượng người học TH tối đa theo giường /ghế răng	Số lượn g đang học	Số lượng có thể nhận thêm
					Nhi khoa YHCT kết hợp YHHĐ	Khoa Nhi	4	40	50	150	0	40
					Nội chuyên sâu YHCT kết hợp YHHĐ	Phòng khám chuyên gia cao cấp	5	50			0	50
					Lão khoa YHCT kết hợp YHHĐ	Khoa Lão	4	40	35	105	0	40
6	8720301	Điều dưỡng	Thạc sĩ	Điều dưỡng Nội khoa	Điều dưỡng Nội thực hành	Khoa Nội	1	10	25	75	0	10
				Điều dưỡng Nhi khoa	Điều dưỡng Nhi thực hành	Khoa Nhi	1	10	50	150	0	10

Handwritten signature and red circular stamp.

PHỤ LỤC 2

(Kèm theo bản công bố số 170 / BVCCTWW ngày 19 tháng 3 năm 2025)


DANH SÁCH GIẢNG VIÊN/ KHOA/ GIƯỜNG ĐÁP ỨNG YÊU CẦU GIẢNG DẠY THỰC HÀNH
(Tại 1 thời điểm)
A ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC

TT	Họ và tên	Học hàm, học vị, chuyên khoa, nội trú	Ngành, chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Số năm kinh nghiệm KCB	Môn học/học phần/tin chỉ	Nội dung môn học	Tên khoa/đơn vị đạt yêu cầu thực hành	Số giường/ đạt yêu cầu thực hành
I	KỸ THUẬT PHỤC HỒI CHỨC NĂNG									
1	Đỗ Gia Quý	ThS. BSCKII	YHCT	0014223/ BYT-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh bằng YHCT không dùng thuốc YHCT kết hợp đa khoa hệ nội nhi. PHCN	27	Phục hồi chức năng	Khám chữa bệnh chuyên ngành PHCN	Khoa Đột quy	35
2	Lê Văn Hải	ThS	YHCT	0021303/ BYT-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh bằng YHCT không dùng thuốc YHCT, PHCN	30				
3	Đinh Thị Bảo Lâm	ThS	YHCT	0021255/ BYT-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh bằng YHCT không dùng thuốc YHCT kết hợp đa khoa hệ nội thần kinh. PHCN	25				

nhật

TT	Họ và tên	Học hàm, học vị, chuyên khoa, nội trú	Ngành, chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Số năm kinh nghiệm KCB	Môn học/học phần/tin chỉ	Nội dung môn học	Tên khoa/đơn vị đạt yêu cầu thực hành	Số giường/ đạt yêu cầu thực hành
4	Bùi Viết Bình	BSCKI	YHCT	0021386/ BYT-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh bằng YHCT kết hợp PHCN	20				
5	Lê Thị Hương Giang	BSCKII	YHCT	0021226/ BYT-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh bằng YHCT.PHCN	28				
6	Trần Quốc Khánh	ThS. BSCKII	YHCT	021342/ BYT-CCHN	Khám chữa bệnh bằng YHCT	30	Vận động trị liệu	Thiết lập mục tiêu, chương trình điều trị Vật lý trị liệu trên từng người bệnh	Khoa Lão	35
7	Vũ Thị Điệp	BSCKII	YHCT	0021592/ BYT-CCHN	Khám chữa bệnh bằng YHCT	20				
8	Lê Văn Luân	Ths	YHCT	033538/ BYT-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh bằng YHCT	7				
9	Hoàng Thị Phượng	BSCKII	YHCT	0021399/ BYT-CHHN	Khám bệnh, chữa bệnh bằng YHCT	7				
10	Nguyễn Tùng Anh	Bs	YHCT	033538/ BYT- CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh bằng YHCT	6				

Như

TT	Họ và tên	Học hàm, học vị, chuyên khoa, nội trú	Ngành, chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Số năm kinh nghiệm KCB	Môn học/học phần/tin chỉ	Nội dung môn học	Tên khoa/đơn vị đạt yêu cầu thực hành	Số giường/ đạt yêu cầu thực hành
11	Nguyễn Bá Phong	ThS. BSCKII	YHCT	0021304/ BYT-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh bằng YHCT không dùng thuốc YHCT, hồi sức cấp cứu, PHCN	31	Xoa bóp trị liệu	Khám xét, lượng giá bệnh thuộc hệ thần kinh - cơ, hệ cơ - xương	Trung tâm PHCN và Khí công dưỡng sinh	15
12	Bùi Nam Thắng	BSCKI	YHCT	033091/ BYT- CCHN	Khám chữa bệnh bằng YHCT	23				
13	Phan Huy Đạt	BS	YHCT	048410/ BYT- CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh bằng y học cổ truyền, PHCN	7				
14	Hoàng Minh Tuấn	BS	YHCT	031229/BYT- CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh bằng YHCT	7				
15	Nguyễn Bích Thu	ThS	YHCT	021227/ BYT- CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh bằng YHCT, kết hợp nội khoa, PHCN	28				
16	Nguyễn Sĩ Phú	BSCKI	YHCT	031235/ BYT- CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh bằng YHCT, PHCN	8	Bệnh lý và vật lý trị liệu	lượng giá bệnh thuộc hệ thần kinh - cơ, hệ cơ -	Khoa Điều trị cột sống	45
17	Phạm Duy Cường	ThS	YHCT	031303/BYT- CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh bằng YHCT	10				

TT	Họ và tên	Học hàm, học vị, chuyên khoa, nội trú	Ngành, chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Số năm kinh nghiệm KCB	Môn học/học phần/tin chỉ	Nội dung môn học	Tên khoa/đơn vị đạt yêu cầu thực hành	Số giường/ đạt yêu cầu thực hành
18	Đặng Thành Long	ThS	YHCT	0021378/ BYT-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh bằng YHCT kết hợp chuyên khoa PHCN	10				
19	Phạm Văn Dũng	BS	YHCT	033363/ BYT- CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh bằng YHCT	5				
20	Vũ Anh Tùng	BS	YHCT	031304/BYT- CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh bằng YHCT	11				
21	Đào Hồng Quang	BSCKI	YHCT	0021281/ BYT-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh bằng YHCT	32	Ngôn ngữ trị liệu	Khám chữa bệnh chuyên ngành Ngôn ngữ trị liệu	Khoa Nhi	50
22	Nguyễn Mạnh Toàn	BSCKII	YHCT	0021305/ BYT-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh bằng YHCT, PHCN	22				
23	Nguyễn Văn Thủy	BSCKII	YHCT	0007154/BYT- CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh bằng YHCT, PHCN	31				
24	Nguyễn Thị Hồng	BS	YHCT	048305/BYT- CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh bằng YHCT	5				
25	Trần Thanh Tùng	ThS	YHCT	021588/BYT- CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh bằng YHCT	18				

Như

[illegible]

TT	Họ và tên	Học hàm, học vị, chuyên khoa, nội trú	Ngành, chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Số năm kinh nghiệm KCB	Môn học/học phần/tin chỉ	Nội dung môn học	Tên khoa/đơn vị đạt yêu cầu thực hành	Số giường/ đạt yêu cầu thực hành
29	Đặng Thị Phượng	ThS. DSCKII	Dược sĩ	012848/ CCHN-D- SYT-HNO	Đủ điều kiện hành nghề là người chịu trách nhiệm chuyên môn về dược với một trong các vị trí hành nghề sau: - Nhà thuốc - Quầy thuốc - Tủ thuốc trạm Y tế xã - Người phụ trách công tác dược lâm sàng của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh.	13	Dược lý	Dược lý	Khoa Dược	
30	Nguyễn Phương Anh	ThS	Dược sĩ	01693/ CCHND -SYT-HNO	Đủ tiêu chuẩn đăng ký hành nghề các loại hình kinh doanh thuốc	8				

Như

TT	Họ và tên	Học hàm, học vị, chuyên khoa, nội trú	Ngành, chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Số năm kinh nghiệm KCB	Môn học/học phần/tin chỉ	Nội dung môn học	Tên khoa/đơn vị đạt yêu cầu thực hành	Số giường/ đạt yêu cầu thực hành
31	Nguyễn Thị Thu Hiền	DS	Dược sĩ	06224/ HNO- CCHND	Đủ tiêu chuẩn đăng ký hành nghề các loại hình kinh doanh thuốc	10				
32	Vũ Thị Thái	DS	Dược sĩ	08611/ CCHND-SYT- HNO	Đủ tiêu chuẩn đăng ký hành nghề các loại hình kinh doanh thuốc	10				
33	Nguyễn Thị Lan	DS	Dược sĩ	03242/ CCHND-SYT- HNO	Đủ tiêu chuẩn đăng ký hành nghề các loại hình kinh doanh thuốc	7				
34	Phạm Minh Tuấn	BSCCKII	YHCT	000109/ HAG- CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh bằng YHCT	21	Dược liệu	Dược liệu	Trung tâm ứng dụng và phát triển Y dược cổ truyền	
35	Nguyễn Tuấn Anh	ThS	YHCT	033534/ BYT- CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh bằng YHCT	11				
36	Dương Văn Phú	ThS	YHCT	033473/ BYT- CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh bằng YHCT	6				
37	Dương Thị Ngọc Thúy	BSCCKI	YHCT	004400/ TNG- CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh bằng YHCT	8				

TT	Họ và tên	Học hàm, học vị, chuyên khoa, nội trú	Ngành, chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Số năm kinh nghiệm KCB	Môn học/học phần/tin chỉ	Nội dung môn học	Tên khoa/đơn vị đạt yêu cầu thực hành	Số giường/ đạt yêu cầu thực hành
38	Nguyễn Tuyết Mai	BSCKI	YHCT	091575/ BYT- CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh bằng YHCT	22				
39	Trần Thị Liên	ThS	YHCT	033246/ BYT- CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh bằng YHCT	15				
40	Đỗ Gia Quý	ThS. BSCKII	YHCT	0014223/ BYT-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh bằng YHCT không dùng thuốc YHCT kết hợp đa khoa hệ nội nhi. PHCN	27	Dược lâm sàng	Dược lâm sàng	Khoa Đột quy	35
41	Lê Văn Hải	ThS	YHCT	0021303/ BYT-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh bằng YHCT không dùng thuốc YHCT, PHCN	30				
42	Đinh Thị Bảo Lâm	ThS	YHCT	0021255/ BYT-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh bằng YHCT không dùng thuốc YHCT kết hợp đa khoa hệ nội thần kinh. PHCN	25				
43	Bùi Viết Bình	BSCKI	YHCT	0021386/ BYT-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh bằng YHCT kết hợp PHCN	20				

TT	Họ và tên	Học hàm, học vị, chuyên khoa, nội trú	Ngành, chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Số năm kinh nghiệm KCB	Môn học/học phần/tin chỉ	Nội dung môn học	Tên khoa/đơn vị đạt yêu cầu thực hành	Số giường/ đạt yêu cầu thực hành
44	Lê Thị Hương Giang	BSCKII	YHCT	0021226/ BYT-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh bằng YHCT.PHCN	28				
III	Y KHOA (Y ĐA KHOA)									
45	Phạm Hồng Vân	PGS	Đa khoa	014213/BYT- CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh bằng YHCT, nội nhi, kết hợp PHCN	28	Nội khoa	Thực hành khám chữa bệnh Nội khoa	Khoa Nội	40
46	Nguyễn Văn Chung	BSCKI	Đa khoa	0021355/ BYT-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh bằng YHCT không dùng thuốc YHCT kết hợp đa khoa hệ nội nhi, PHCN.	28				
47	Nguyễn Thị Phương Lan	ThS	Đa khoa	0021591/ BYT-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh bằng YHCT không dùng thuốc YHCT kết hợp đa khoa hệ nội nhi, PHCN	31				

TT	Họ và tên	Học hàm, học vị, chuyên khoa, nội trú	Ngành, chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Số năm kinh nghiệm KCB	Môn học/học phần/tin chỉ	Nội dung môn học	Tên khoa/đơn vị đạt yêu cầu thực hành	Số giường/ đạt yêu cầu thực hành
48	Lê Ái Minh	BSCKI	Đa khoa	0021279/ BYT-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh bằng YHCT không dùng thuốc YHCT, kết hợp đa khoa hệ nội nhi. PHCN.	29				
49	Dương Xuân Phát	BS	Đa khoa	005592/TB- CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nội	8				
50	Tào Thị Minh Thúy	BSCKII	Đa khoa	0021254/ BYT-CCHN	Khám chữa bệnh bằng YHCT, Không dùng thuốc YHCT, kết hợp đa khoa hệ nội tổng hợp, PHCN.	25	Nhi khoa	Thực hành khám chữa bệnh Nhi khoa	Khoa Nhi	50
51	Tạ Thị Thảo	BSCKII	Đa khoa	0021593/ BYT-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh bằng YHCT không dùng thuốc YHCT kết hợp đa khoa hệ nội nhi, PHCN	19				

Như

TT	Họ và tên	Học hàm, học vị, chuyên khoa, nội trú	Ngành, chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Số năm kinh nghiệm KCB	Môn học/học phần/tin chỉ	Nội dung môn học	Tên khoa/đơn vị đạt yêu cầu thực hành	Số giường/ đạt yêu cầu thực hành
52	Hoàng Quốc Hợp	ThS. BSCKII	Đa khoa	0014226/ BYT-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh bằng YHCT không dùng thuốc YHCT kết hợp đa khoa hệ nội nhi. PHCN	26				
53	Nguyễn Thị Thanh Hương	BSCKI	Đa khoa	0021291/ BYT-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh bằng YHCT không dùng thuốc YHCT kết hợp đa khoa hệ nội nhi, PHCN	29				
54	Phạm Thị Xoan	BS	Đa khoa	038595/ BYT- CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nhi	18				
55	Nguyễn Duy Luật	TS	Đa khoa	0014251/ BYT-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh bằng YHCT không dùng thuốc YHCT, kết hợp ngoại khoa, châm tê. PHCN	22	Ngoại khoa	Thực hành khám chữa bệnh Ngoại khoa	Khoa Ngoại	5

TT	Họ và tên	Học hàm, học vị, chuyên khoa, nội trú	Ngành, chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Số năm kinh nghiệm KCB	Môn học/học phần/tin chỉ	Nội dung môn học	Tên khoa/đơn vị đạt yêu cầu thực hành	Số giường/ đạt yêu cầu thực hành
56	Hoàng Văn Phong	ThS	Đa khoa	000751/ BYT-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Ngoại	33				
57	Nguyễn Văn Bình	BSCKI	Đa khoa	000355/ LS-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh Ngoại khoa, phẫu thuật tạo hình thẩm mỹ	11				
58	Lương Hồng Quân	BS	Đa khoa	042183/ BYT-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Ngoại	8				
59	Trịnh Văn Trung	BS	Đa khoa	045860/ BYT-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa ngoại	13				
60	Nguyễn Thị Hậu	ThS	YHCT	023658/HNO- CCHN	Thực hiện khám bệnh chữa bệnh bằng Y học cổ truyền	15	Da liễu	Thực hành khám chữa bệnh Da liễu	Khoa Khám bệnh đa khoa	
61	Trần Thanh Trà	BS	Đa khoa	000736/ HNO-GPHN	Chuyên khoa Da liễu	5				

Nhà

TT	Họ và tên	Học hàm, học vị, chuyên khoa, nội trú	Ngành, chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Số năm kinh nghiệm KCB	Môn học/học phần/tin chỉ	Nội dung môn học	Tên khoa/đơn vị đạt yêu cầu thực hành	Số giường/ đạt yêu cầu thực hành
62	Thái Hoài Hương	BSCKI	Đa khoa	029462/ BYT-CCHN	Khám bệnh , chữa bệnh chuyên khoa mắt	30	Nhãn khoa	Thực hành khám chữa bệnh Nhãn khoa	Khoa Ngũ quan	
63	Hoàng Lê Minh	BS	Đa khoa	029030/ BYT-CCHN	Khám bệnh , chữa bệnh chuyên khoa mắt	12				
64	Trần Quốc Toàn	BSCKI	Đa khoa	000692/ BYT-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Răng hàm mặt	21	Răng hàm mặt	Thực hành khám chữa bệnh Răng hàm mặt	Khoa Ngũ quan	
65	Nghiêm Tùng Mai	BS	Đa khoa	035900/ BYT-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Răng hàm mặt	18				
66	Nguyễn Hương Ly	BS	Đa khoa	023415/ BYT-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Răng hàm mặt	11				
67	Phạm Thị Minh Huế	BSCKI	Đa khoa	000103/ YB-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Răng hàm mặt	20				

TT	Họ và tên	Học hàm, học vị, chuyên khoa, nội trú	Ngành, chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Số năm kinh nghiệm KCB	Môn học/học phần/tin chỉ	Nội dung môn học	Tên khoa/đơn vị đạt yêu cầu thực hành	Số giường/ đạt yêu cầu thực hành
68	Vũ Thị Yên	BSCKI	Đa khoa	000120/ BYT-CCHN	Khám chữa bệnh chuyên khoa sản phụ khoa	35	Sản khoa	Thực hành khám chữa bệnh Sản khoa	Khoa Khám bệnh đa khoa	
69	Bùi Thu Hương	BS	Đa khoa	045322/ BYT-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Sản phụ khoa	6				
70	Nguyễn Thị Lan	ThS	Đa khoa	0021280/ BYT-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh bằng YHCT không dùng thuốc YHCT, hồi sức cấp cứu, PHCN	23	Hồi sức cấp cứu	Thực hành Hồi sức cấp cứu	Khoa Hồi sức cấp cứu	18
71	Nguyễn Ngọc Cảnh	ThS	Đa khoa	0014215/ BYT-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh bằng YHCT không dùng thuốc YHCT, kết hợp đa khoa hệ nội, hồi sức cấp cứu, PHCN	34				

nhut

[illegible]

TT	Họ và tên	Học hàm, học vị, chuyên khoa, nội trú	Ngành, chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Số năm kinh nghiệm KCB	Môn học/học phần/tin chỉ	Nội dung môn học	Tên khoa/đơn vị đạt yêu cầu thực hành	Số giường/ đạt yêu cầu thực hành
76	Trần Quốc Toàn	BSCKI	Đa khoa	000692/ BYT-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Răng hàm mặt	21	Chữa răng- nội nha	Thực hành Chữa răng- nội nha	Khoa Ngũ quan	
77	Hà Doãn Cây	ThS	Đa khoa	000835/ BYT-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Ngoại, Răng hàm mặt	23				
78	Phạm Thị Minh Huế	BSCKI	Đa khoa	000103/ YB-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Răng hàm mặt	20	Chẩn đoán hình ảnh nha khoa	Thực hành Chẩn đoán hình ảnh nha khoa	Khoa Ngũ quan	
79	Nghiêm Tùng Mai	BS	Đa khoa	035900/ BYT-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Răng hàm mặt	7				
80	Nguyễn Hương Ly	BS	Đa khoa	023415/ BYT-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Răng hàm mặt	11	Răng trẻ em	Thực hành Răng trẻ em	Khoa Ngũ quan	

Nhà

[illegible]

TT	Họ và tên	Học hàm, học vị, chuyên khoa, nội trú	Ngành, chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Số năm kinh nghiệm KCB	Môn học/học phần/tin chỉ	Nội dung môn học	Tên khoa/đơn vị đạt yêu cầu thực hành	Số giường/ đạt yêu cầu thực hành
86	Nguyễn Thị Hoàng Yến	BSCKI	CĐHA	005643/QNI- CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh bằng YHCT	7	chữa bệnh X quang, chụp vú, chụp	bệnh X quang, chụp vú, chụp CLVT và phụ can	Khoa Chẩn đoán hình ảnh	
87	Nguyễn Viết Trung Đức	BSCKI	YHCT	033477/BYT- CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh bằng YHCT, Chẩn đoán hình ảnh	7				
88	Trần Thị Thùy	BS	YHCT	048355/BYT- CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh bằng y học cổ truyền (Chứng chỉ định hướng chuyên ngành siêu âm)	3	Khám chữa bệnh MRI và Siêu âm	Khám chữa bệnh MRI và Siêu âm	Khoa Chẩn đoán hình ảnh	
89	Phạm Thị Hoài	BS	YHCT	032257/HNO- CCHN	Thực hiện khám bệnh, chữa bệnh bằng YHCT (chứng chỉ định hướng chuyên khoa Chẩn đoán hình ảnh)	4				

[illegible]

TT	Họ và tên	Học hàm, học vị, chuyên khoa, nội trú	Ngành, chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Số năm kinh nghiệm KCB	Môn học/học phần/tin chỉ	Nội dung môn học	Tên khoa/đơn vị đạt yêu cầu thực hành	Số giường/ đạt yêu cầu thực hành
96	Phạm Ngọc Quang	ThS	YHCT	0005029/BG- CCHN	Khám chữa Bệnh bằng Y học cổ truyền	19				
97	Nguyễn Thị Minh Phương	BSCKI	YHCT	033165/BYT- CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh bằng YHCT kết hợp chuyên khoa PHCN	11	Nội khoa	Điều dưỡng Nội khoa thực hành	Khoa Nội	40
98	Vũ Huy Hoàng	BS	YHCT	0021389/BYT- CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh bằng y học cổ truyền không dùng thuốc	22				
99	Nguyễn Thị Hồng	BS	YHCT	048305/BYT- CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh bằng YHCT	5				
100	Trần Duy Nam	BSCKII	YHCT	033577/BYT- CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh bằng Y học cổ truyền	12				
101	Nguyễn Thị Lan Phương	ThS	YHCT	033568/BYT- CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh bằng YHCT	22	Nhi khoa	Điều dưỡng Nhi khoa thực hành	Khoa Nhi	50

Nml

TT	Họ và tên	Học hàm, học vị, chuyên khoa, nội trú	Ngành, chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Số năm kinh nghiệm KCB	Môn học/học phần/tin chỉ	Nội dung môn học	Tên khoa/đơn vị đạt yêu cầu thực hành	Số giường/ đạt yêu cầu thực hành
102	Vũ Hải Nguyên	BCKI	Đa khoa	0021228/ BYT-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh bằng YHCT không dùng thuốc YHCT kết hợp đa khoa hệ nội nhi. PHCN	21				
103	Nguyễn Thị Thu Hà	BS	Đa khoa	0021247/BYT- CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh bằng YHCT không dùng thuốc YHCT kết hợp đa khoa hệ nội nhi, PHCN	27				
104	Ngô Thị Thanh Hiền	BCKI	Đa khoa	0021229/BYT- CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh bằng YHCT không dùng thuốc YHCT, kết hợp đa khoa hệ nội nhi. PHCN	29				
105	Ngô Trọng Tục	BCKII	YHCT	0021594/ BYT-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh bằng YHCT	19				
106	Hoàng Văn Phong	ThS	Đa khoa	000751/ BYT-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Ngoại	32	Ngoại khoa	Điều dưỡng Ngoại khoa thực hành	Khoa Ngoại	5

TT	Họ và tên	Học hàm, học vị, chuyên khoa, nội trú	Ngành, chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Số năm kinh nghiệm KCB	Môn học/học phần/tin chỉ	Nội dung môn học	Tên khoa/đơn vị đạt yêu cầu thực hành	Số giường/ đạt yêu cầu thực hành
107	Nguyễn Văn Bình	BCKI	Đa khoa	000355/ LS-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh Ngoại khoa, phẫu thuật tạo hình thẩm mỹ	11				
108	Lương Hồng Quân	BS	Đa khoa	042183/ BYT-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Ngoại	8				
109	Nguyễn Bích Ngọc	BS	Đa khoa	041497 BYT- CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Tai Mũi Họng.	6				
110	Nông Quang Phúc	BS	Đa khoa	005656/ LS- CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh ngoại khoa	4				
111	Nguyễn Thị Hậu	ThS	YHCT	023658/ HNO-CCHN	Thực hiện khám bệnh chữa bệnh bằng Y học cổ truyền (chứng chỉ chuyên khoa da liễu)	15	Da liễu	Điều dưỡng Da liễu thực hành	Khoa Khám bệnh đa khoa	
112	Trần Thanh Trà	BS	Đa khoa	000736/ HNO-GPHN	Chuyên khoa Da liễu	5				

Handwritten signature

TT	Họ và tên	Học hàm, học vị, chuyên khoa, nội trú	Ngành, chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Số năm kinh nghiệm KCB	Môn học/học phần/tin chỉ	Nội dung môn học	Tên khoa/đơn vị đạt yêu cầu thực hành	Số giường/ đạt yêu cầu thực hành
113	Thái Hoài Hương	BSCKI	Chuyên khoa Mắt	029462/ BYT-CCHN	Khám bệnh , chữa bệnh chuyên khoa mắt	30	Nhãn khoa	Điều dưỡng Nhãn khoa thực hành	Khoa Ngũ quan	
114	Hoàng Lê Minh	BS	Chuyên khoa Mắt	029030/ BYT -CCHN	Khám bệnh , chữa bệnh chuyên khoa mắt	13				
115	Trần Quốc Toàn	BSCKI	Đa khoa	000692/ BYT-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Răng hàm mặt	21	Răng hàm mặt	Điều dưỡng Răng hàm mặt thực hành	Khoa Ngũ quan	
116	Hà Doãn Cây	ThS	Đa khoa	000835/ BYT-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Ngoại, Răng hàm mặt	23				
117	Phạm Thị Minh Huệ	BSCKI	Đa khoa	000103/ YB-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Răng hàm mặt	20				
118	Nghiêm Tùng Mai	BS	Đa khoa	035900/ BYT-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Răng hàm mặt	18				

TT	Họ và tên	Học hàm, học vị, chuyên khoa, nội trú	Ngành, chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Số năm kinh nghiệm KCB	Môn học/học phần/tin chỉ	Nội dung môn học	Tên khoa/đơn vị đạt yêu cầu thực hành	Số giường/ đạt yêu cầu thực hành
119	Vũ Thị Yên	BSCKI	Đa khoa	000120/ BYT -CCHN	Khám chữa bệnh chuyên khoa sản phụ khoa	35	Sản khoa	Điều dưỡng Sản thực hành	Khoa Khám bệnh đa khoa	

B ĐÀO TẠO CAO ĐẲNG

I	Y SĨ ĐA KHOA									
120	Nguyễn Duy Luật	TS	Đa khoa	0014251/ BYT-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh bằng YHCT không dùng thuốc YHCT, kết hợp ngoại khoa, châm tê. PHCN	22	Chăm sóc bệnh học ngoại	Chăm sóc bệnh học ngoại	Khoa Ngoại	5
121	Hoàng Văn Phong	ThS	Đa khoa	000751/ BYT-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Ngoại	33				
122	Nguyễn Văn Bình	BSCKI	Đa khoa	000355/ LS-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh Ngoại khoa, phẫu thuật tạo hình thẩm mỹ	11				

nm

TT	Họ và tên	Học hàm, học vị, chuyên khoa, nội trú	Ngành, chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Số năm kinh nghiệm KCB	Môn học/học phần/tin chỉ	Nội dung môn học	Tên khoa/đơn vị đạt yêu cầu thực hành	Số giường/ đạt yêu cầu thực hành
123	Lương Hồng Quân	BS	Đa khoa	042183/ BYT-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Ngoại	8				
124	Trịnh Văn Trung	BS	Đa khoa	045860/ BYT-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa ngoại	13				
125	Đặng Thành Long	ThS	YHCT	0021378/BYT- CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh bằng YHCT kết hợp chuyên khoa phục hồi chức năng	8	Tiêm truyền	Tiêm truyền	Khoa Điều trị cột sống	18
126	Nguyễn Sĩ Phú	BSCKI	YHCT	031235/ BYT- CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh bằng YHCT, PHCN	8				
127	Phùng Thị Hồng	BS	YHCT	048357/BYT- CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh bằng YHCT	5				
128	Phạm Văn Dũng	BS	YHCT	033363/ BYT- CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh bằng YHCT	6				
129	Vũ Thùy Linh	BS	Đa khoa	047159/ BYT- CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nội khoa	5				

TT	Họ và tên	Học hàm, học vị, chuyên khoa, nội trú	Ngành, chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Số năm kinh nghiệm KCB	Môn học/học phần/tin chỉ	Nội dung môn học	Tên khoa/đơn vị đạt yêu cầu thực hành	Số giường/ đạt yêu cầu thực hành
130	Nguyễn Ngọc Cảnh	Ths	Đa khoa	0014215/ BYT-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh bằng YHCT không dùng thuốc YHCT, kết hợp đa khoa hệ nội, hồi sức cấp cứu, PHCN	31	Hồi sức cấp cứu	Hồi sức cấp cứu	Khoa Hồi sức cấp cứu	18
131	Nguyễn Thị Hạnh	BSCKII	Đa khoa	0021287/ BYT-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh bằng YHCT không dùng thuốc YHCT, hồi sức cấp cứu, PHCN	29				
132	Nguyễn Đức Quảng	BS	Đa khoa	047158/ BYT- CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nội khoa	3				
133	Nguyễn Thị Lan	ThS	Đa khoa	0021280/ BYT-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh bằng YHCT không dùng thuốc YHCT, hồi sức cấp cứu, PHCN	20				

Nad

TT	Họ và tên	Học hàm, học vị, chuyên khoa, nội trú	Ngành, chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Số năm kinh nghiệm KCB	Môn học/học phần/tin chỉ	Nội dung môn học	Tên khoa/đơn vị đạt yêu cầu thực hành	Số giường/ đạt yêu cầu thực hành
134	Nguyễn Bá Phong	ThS. BCKII	Đa khoa	0021304/ BYT-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh bằng YHCT không dùng thuốc YHCT, hồi sức cấp cứu, PHCN					
II	Y SĨ YHCT									
135	Nguyễn Hữu Dũng	BSCKII	YHCT	0021333/ BYT-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh bằng YHCT không dùng thuốc YHCT.	20	Bệnh học	Bệnh học	Khoa Nội	25
136	Nguyễn Tiến Dũng	Ths	YHCT	0021364/ BYT-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh bằng YHCT. PHCN	19				
137	Nguyễn Văn Chung	BSCKI	YHCT	0021355/ BYT-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh bằng YHCT không dùng thuốc YHCT kết hợp đa khoa hệ nội nhi, PHCN.	27				

TT	Họ và tên	Học hàm, học vị, chuyên khoa, nội trú	Ngành, chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Số năm kinh nghiệm KCB	Môn học/học phần/tin chỉ	Nội dung môn học	Tên khoa/đơn vị đạt yêu cầu thực hành	Số giường/ đạt yêu cầu thực hành
138	Nguyễn Tiến Hưng	BSCCKII	YHCT	0014221/ BYT-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh bằng YHCT. PHCN	29				
139	Nguyễn Thị Hồng Liên	ThS. BSCCKII	YHCT	014220/ BYT- CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh bằng YHCT, kết hợp PHCN.	25				
140	Ngô Đức Thành	ThS. BSCCKII	YHCT	0021399/ BYT-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh bằng YHCT không dùng thuốc YHCT, PHCN	23	Bệnh học	Bệnh học	Khoa Điều trị Quốc tế	25
141	Lê Đình Việt	ThS	YHCT	021560/ BYT- CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh bằng y học cổ truyền	15				
142	Nguyễn Sỹ Trọng	BS	YHCT	048322/ BYT- CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh bằng y học cổ truyền	4				
143	Nguyễn Trọng Quang Đức	ThS	YHCT	033174/ BYT- CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh bằng YHCT , kết hợp phục hồi chức năng	13				

Nhà

TT	Họ và tên	Học hàm, học vị, chuyên khoa, nội trú	Ngành, chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Số năm kinh nghiệm KCB	Môn học/học phần/tin chỉ	Nội dung môn học	Tên khoa/đơn vị đạt yêu cầu thực hành	Số giường/ đạt yêu cầu thực hành
144	Trịnh Thị Hồng Thúy	ThS	YHCT	021582/ BYT- CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh bằng YHCT , kết hợp phục hồi chức năng	17				
145	Nguyễn Thế Dũng	BSCKI	YHCT	0021365/ BYT-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh bằng YHCT không dùng thuốc YHCT. PHCN	29	Nhi khoa	Nhi khoa	Trung tâm Điều trị và chăm sóc Bại não, Tự kỷ	25
146	Nguyễn Tuấn Anh	ThS	YHCT	021788/ BYT- CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh bằng YHCT	9				
147	Ngô Thị Thanh Hiền	BSCKI	Đa khoa	0021229/ BYT-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh bằng YHCT không dùng thuốc YHCT, kết hợp đa khoa hệ nội nhi. PHCN	29				
148	Nguyễn Thành Long	BSCKI	YHCT	0021252/ BYT-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh bằng YHCT không dùng thuốc YHCT, kết hợp đa khoa hệ Nội tổng hợp.	23				

TT	Họ và tên	Học hàm, học vị, chuyên khoa, nội trú	Ngành, chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Số năm kinh nghiệm KCB	Môn học/học phần/tin chỉ	Nội dung môn học	Tên khoa/đơn vị đạt yêu cầu thực hành	Số giường/ đạt yêu cầu thực hành
149	Hoàng Thị Hải Yến	BSCKII	YHCT	0021244/ BYT-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh bằng YHCT không dùng thuốc YHCT kết hợp đa khoa hệ nội nhi, PHCN	24				
150	Hoàng Văn Phong	ThS	Đa khoa	000751/ BYT- CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Ngoại	32	Ngoại khoa	Ngoại khoa	Khoa Ngoại châm tê	8
151	Nguyễn Văn Bình	BSCKI	Đa khoa	000355/ LS- CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh Ngoại khoa, phẫu thuật tạo hình thẩm mỹ	10				
152	Nông Quang Phúc	BS	Đa khoa	005656/ LS- CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh ngoại khoa	4				
153	Hoàng Thị Ly Diệu	BS	Đa khoa	005651/ LS- CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh Nội khoa	3				

Nhà

TT	Họ và tên	Học hàm, học vị, chuyên khoa, nội trú	Ngành, chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Số năm kinh nghiệm KCB	Môn học/học phần/tin chỉ	Nội dung môn học	Tên khoa/đơn vị đạt yêu cầu thực hành	Số giường/ đạt yêu cầu thực hành
154	Nguyễn Bích Ngọc	BS	Đa khoa	041497 BYT- CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Tai Mũi Họng.	6				
III	KỸ THUẬT HÌNH ẢNH Y HỌC									
155	Nguyễn Thị Hoàng Yến	BSCKI	CDHA	005643/QNI- CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh bằng YHCT	7	Khám chữa bệnh X quang, chụp vú, chụp	Khám chữa bệnh X quang, chụp vú, chụp CLVT và phụ can	Khoa Chẩn đoán hình ảnh	
156	Nguyễn Viết Trung Đức	BSCKI	YHCT	033477/BYT- CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh bằng YHCT, Chẩn đoán hình ảnh	7				
157	Trần Thị Thùy	BS	YHCT	048355/BYT- CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh bằng y học cổ truyền (Chứng chỉ định hướng chuyên ngành siêu âm)	3	Khám chữa bệnh MRI và Siêu âm	Khám chữa bệnh MRI và Siêu âm	Khoa Chẩn đoán hình ảnh	

TT	Họ và tên	Học hàm, học vị, chuyên khoa, nội trú	Ngành, chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Số năm kinh nghiệm KCB	Môn học/học phần/tin chỉ	Nội dung môn học	Tên khoa/đơn vị đạt yêu cầu thực hành	Số giường/ đạt yêu cầu thực hành
158	Phạm Thị Hoài	BS	YHCT	032257/HNO- CCHN	Thực hiện khám bệnh, chữa bệnh bằng YHCT (Chứng chỉ định hướng chuyên khoa Chẩn đoán hình ảnh)	4				
IV	KỸ THUẬT XÉT NGHIỆM Y HỌC									
159	Nguyễn Thị Minh Hạnh	ThS	XN	0008745/BYT- CCHN	Chuyên khoa xét nghiệm	20	Kỹ thuật Xét nghiệm y học	Kỹ thuật xét nghiệm huyết học, sinh học, vi	Khoa Xét nghiệm	
160	Đặng Thị Thanh Mai	KTVY	XN	045321/BYT- CCHN	Chuyên khoa xét nghiệm	5				
161	Dương Thị Khá	KTVY	XN	0023417/BYT- CCHN	Chuyên khoa xét nghiệm	19				
162	Dương Thị Tuyết Nhung	KTVXN	XN	028471/BYT- CCHN	Chuyên khoa xét nghiệm	5				
163	Quản Thị Tươi	KTVY	XN	0025557/BYT- CCHN	Chuyên khoa xét nghiệm	19				

Nhà

TT	Họ và tên	Học hàm, học vị, chuyên khoa, nội trú	Ngành, chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Số năm kinh nghiệm KCB	Môn học/học phần/tin chỉ	Nội dung môn học	Tên khoa/đơn vị đạt yêu cầu thực hành	Số giường/ đạt yêu cầu thực hành
----	-----------	---	---	------------------------	-------------------	---------------------------------	-----------------------------------	---------------------	---	--

D ĐÀO TẠO SAU ĐẠI HỌC

I	BÁC SĨ NỘI TRÚ CHUYÊN NGÀNH YHCT									
164	Nguyễn Thị Lan	ThS	Đa khoa	0021280/ BYT-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh bằng YHCT không dùng thuốc YHCT, hồi sức cấp cứu, PHCN	23	Y học hiện đại	Thực hành Hồi sức cấp cứu	Khoa Hồi sức cấp cứu	18
165	Nguyễn Ngọc Cảnh	ThS	Đa khoa	0014215/ BYT-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh bằng YHCT không dùng thuốc YHCT, kết hợp đa khoa hệ nội, hồi sức cấp cứu, PHCN	34				
166	Nguyễn Thị Hạnh	BSCKII	Đa khoa	0021287/ BYT-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh bằng YHCT không dùng thuốc YHCT, hồi sức cấp cứu, PHCN	29				

TT	Họ và tên	Học hàm, học vị, chuyên khoa, nội trú	Ngành, chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Số năm kinh nghiệm KCB	Môn học/học phần/tin chỉ	Nội dung môn học	Tên khoa/đơn vị đạt yêu cầu thực hành	Số giường/ đạt yêu cầu thực hành
167	Nguyễn Bá Phong	ThS. BCKII	Đa khoa	0021304/BYT- CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh bằng YHCT không dùng thuốc YHCT, hồi sức cấp cứu, PHCN	30				
168	Phạm Hồng Vân	PGS	Đa khoa	014213/BYT- CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh bằng YHCT, nội nhi, kết hợp PHCN	28		Chuyên ngành Nội khoa	Khoa Nội	40
169	Nguyễn Văn Chung	BCKI	Đa khoa	0021355/ BYT-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh bằng YHCT không dùng thuốc YHCT kết hợp đa khoa hệ nội nhi, PHCN.	28				
170	Nguyễn Thị Phương Lan	ThS	Đa khoa	0021591/ BYT-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh bằng YHCT không dùng thuốc YHCT kết hợp đa khoa hệ nội nhi, PHCN	31				

NVL

TT	Họ và tên	Học hàm, học vị, chuyên khoa, nội trú	Ngành, chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Số năm kinh nghiệm KCB	Môn học/học phần/tin chỉ	Nội dung môn học	Tên khoa/đơn vị đạt yêu cầu thực hành	Số giường/ đạt yêu cầu thực hành
171	Lê Ái Minh	BSCKI	Đa khoa	0021279/ BYT-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh bằng YHCT không dùng thuốc YHCT, kết hợp đa khoa hệ nội nhi. PHCN.	29				
172	Nguyễn Như Hoàng Diệu	BSCKI	Đa khoa	0021236/BYT- CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh bằng YHCT không dùng thuốc YHC T kết hợp đa khoa hệ nội nhi, PHCN	29				
173	Nguyễn Duy Luật	TS	Đa khoa	0014251/ BYT-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh bằng YHCT không dùng thuốc YHCT, kết hợp ngoại khoa, châm tê. PHCN	22		Chuyên ngành Ngoại khoa	Khoa Ngoại	5
174	Hoàng Văn Phong	ThS	Đa khoa	000751/ BYT-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Ngoại	33				

TT	Họ và tên	Học hàm, học vị, chuyên khoa, nội trú	Ngành, chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Số năm kinh nghiệm KCB	Môn học/học phần/tin chỉ	Nội dung môn học	Tên khoa/đơn vị đặt yêu cầu thực hành	Số giường/ đặt yêu cầu thực hành
175	Nguyễn Văn Bình	BSCKI	Đa khoa	000355/ LS-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh Ngoại khoa, phẫu thuật tạo hình thẩm mỹ	11				
176	Phạm Minh Tuấn	BSCKII	YHCT	000109/ HAG- CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh bằng YHCT	21	Y học cổ truyền	Kỹ thuật bảo chế một số danggị	ứng dụng và phát triển Y	
177	Nguyễn Tuấn Anh	ThS	YHCT	033534/ BYT- CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh bằng YHCT	11				
178	Dương Văn Phú	ThS	YHCT	033473/ BYT- CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh bằng YHCT	6				
179	Dương Thị Ngọc Thúy	BSCKI	YHCT	004400/ TNG- CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh bằng YHCT	8				
180	Bùi Việt Hùng	ThS	YHCT	0021285/BYT- CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh bằng YHCT	16		Châm cứu	Khoa Điều trị Quốc tế	20

Như

TT	Họ và tên	Học hàm, học vị, chuyên khoa, nội trú	Ngành, chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Số năm kinh nghiệm KCB	Môn học/học phần/tin chỉ	Nội dung môn học	Tên khoa/đơn vị đạt yêu cầu thực hành	Số giường/ đạt yêu cầu thực hành
181	Nguyễn Trọng Quang Đức	ThS	YHCT	033174/BYT- CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh bằng YHCT , kết hợp phục hồi chức năng	13				
182	Trịnh Thị Hồng Thúy	ThS	YHCT	021582/BYT- CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh bằng YHCT , kết hợp phục hồi chức năng	17				
183	Lê Đình Việt	ThS	YHCT	021560/BYT- CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh bằng y học cổ truyền	15				
184	Bùi Nam Thắng	BSCKI	YHCT	033091/ BYT- CCHN	Khám chữa bệnh bằng YHCT	23	Xoa bóp trị liệu	Khám xét, lượng giá bệnh thuộc hệ thần kinh - cơ, hệ cơ - xương	Trung tâm PHCN và Khí công dưỡng sinh	15
185	Nguyễn Huyền My	ThS	YHCT	048284/BYT- CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh bằng y học cổ truyền, PHCN	5				
186	Nguyễn Thị Ngọc Linh	ThS	YHCT	033572/BYT -CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh bằng YHCT	5				

TT	Họ và tên	Học hàm, học vị, chuyên khoa, nội trú	Ngành, chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Số năm kinh nghiệm KCB	Môn học/học phần/tin chỉ	Nội dung môn học	Tên khoa/đơn vị đạt yêu cầu thực hành	Số giường/ đạt yêu cầu thực hành
187	Nguyễn Bích Thu	ThS	YHCT	021227/ BYT- CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh bằng YHCT, kết hợp nội khoa, PHCN	28				
188	Đỗ Gia Quý	ThS. BSCKII	YHCT	0014223/ BYT-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh bằng YHCT không dùng thuốc YHCT kết hợp đa khoa hệ nội nhi. PHCN	27	YHCT kết hợp YHHD	Nội tổng hợp YHCT kết hợp YHHD	Khoa Đột quy	35
189	Lê Văn Hải	ThS	YHCT	0021303/ BYT-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh bằng YHCT không dùng thuốc YHCT, PHCN	30				
190	Đinh Thị Bảo Lâm	ThS	YHCT	0021255/ BYT-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh bằng YHCT không dùng thuốc YHCT kết hợp đa khoa hệ nội thần kinh. PHCN	25				

Như

TT	Họ và tên	Học hàm, học vị, chuyên khoa, nội trú	Ngành, chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Số năm kinh nghiệm KCB	Môn học/học phần/tin chỉ	Nội dung môn học	Tên khoa/đơn vị đạt yêu cầu thực hành	Số giường/ đạt yêu cầu thực hành
191	Bùi Viết Bình	BSCKI	YHCT	0021386/ BYT-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh bằng YHCT kết hợp PHCN	20				
192	Lê Thị Hương Giang	BSCKII	YHCT	0021226/ BYT-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh bằng YHCT.PHCN	28				
193	Đặng Thành Long	ThS	YHCT	0021378/BYT- CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh bằng YHCT kết hợp chuyên khoa phục hồi chức năng	8		Ngoại YHCT kết hợp YHHĐ	Khoa Điều trị cột sống	43
194	Nguyễn Sĩ Phú	BSCKI	YHCT	031235/ BYT- CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh bằng YHCT, PHCN	8				
195	Phạm Duy Cường	ThS	YHCT	031303/BYT- CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh bằng YHCT	13				
196	Đào Hồng Quang	BSCKI	YHCT	0021281/ BYT-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh bằng YHCT	32		Nhi khoa YHCT kết hợp YHHĐ	Khoa Nhi	50

TT	Họ và tên	Học hàm, học vị, chuyên khoa, nội trú	Ngành, chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Số năm kinh nghiệm KCB	Môn học/học phần/tin chỉ	Nội dung môn học	Tên khoa/đơn vị đạt yêu cầu thực hành	Số giường/ đạt yêu cầu thực hành
197	Nguyễn Mạnh Toàn	BSCKII	YHCT	0021305/ BYT-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh bằng YHCT, PHCN	22				
198	Nguyễn Văn Thủy	BSCKII	YHCT	0007154/BYT- CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh bằng YHCT, PHCN	31				
200	Trần Thanh Tùng	ThS	YHCT	021588/BYT- CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh bằng YHCT	18				
201	Phạm Ngọc Quang	ThS	YHCT	0005029/BG- CCHN	Khám chữa Bệnh bằng Y học cổ truyền	19		Nội chuyên sâu YHCT kết hợp YHHĐ	Phòng khám chuyên gia cao cấp	
202	Nguyễn Thị Minh Phương	BSCKI	YHCT	033165/BYT- CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh bằng YHCT kết hợp chuyên khoa phục hồi chức năng	11				
203	Nguyễn Bá Quang	PGS	YHCT	000987/BYT- CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh bằng YHCT, PHCN	39				

Handwritten signature

[illegible]

TT	Họ và tên	Học hàm, học vị, chuyên khoa, nội trú	Ngành, chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Số năm kinh nghiệm KCB	Môn học/học phần/tin chỉ	Nội dung môn học	Tên khoa/đơn vị đạt yêu cầu thực hành	Số giường/ đạt yêu cầu thực hành
210	Nguyễn Thị Thanh Nhân	BSCKI. ĐD	Đa khoa	0021310/BYT- CCHN	Thực hiện phạm vi hoạt động chuyên môn theo quy định tại quyết định số 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005.	17	Điều dưỡng Nội khoa	Điều dưỡng Nội thực hành	Khoa Nội	25
211	Vũ Thị Mai Hương	ThS. Đ D	Đa khoa	0014244/BYT- CCHN	Thực hiện phạm vi hoạt động chuyên môn theo quy định tại quyết định số 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005.	19	Điều dưỡng Nhi khoa	Điều dưỡng Nhi thực hành	Khoa Nhi	50



DANH MỤC TRANG THIẾT BỊ
TẠI KHOA/ĐƠN VỊ ĐÁP ỨNG YÊU CẦU GIẢNG DẠY THỰC HÀNH
(Tại 1 thời điểm)

STT	Tên trang thiết bị	Số lượng	Ghi chú
I	PHỤC HỒI CHỨC NĂNG		
1	Phòng học	5	
2	Bảng viết lớn	5	
3	Máy chiếu	1	
4	Máy tính	3	
5	Bộ đo huyết áp	5	
6	Ổng nghe	5	
7	Giường bệnh	10	
8	Đèn đọc phim	5	
9	Đèn điều trị hồng ngoại	10	
10	Máy tập phục hồi chức năng chủ động thụ động	1	
11	Máy điện rung massage	1	
12	Búa thử phản xạ	3	
13	Dàn tập phục hồi chức năng đa năng	1	
14	Xe đạp tập đa năng	1	
15	Bàn tập đứng điều khiển điện độ cao bằng điện	1	
16	Bộ ròng rọc tập PHCN kèm 5 đai giư tập đi và 4 đai cố định chân đạp xe	1	
17	Máy điều trị xoa bóp hơi	1	
			
II	DƯỢC		
1	Phòng học	5	
2	Bảng viết lớn	5	
3	Máy chiếu	1	
4	Máy tính	3	
5	Kho thuốc	1	
6	Nồi sắc thuốc	5	
III	Y KHOA/ Y ĐA KHOA		
1	Phòng học	5	
2	Bảng viết lớn	5	
3	Máy chiếu	1	
4	Máy tính	3	
5	Máy chiếu	5	

Nhà

6	Máy đo huyết áp	10	
7	Máy điện châm	25	
8	Máy đo thính lực	2	
9	Máy đo nhĩ lượng	2	
10	Máy hút dịch	10	
11	Máy theo dõi bệnh nhân	10	
12	Máy tạo Oxy	1	
13	Máy điện tim	1	
14	Bơm Tiêm Điện	10	
15	Bơm truyền dịch	15	
16	Đèn soi đáy mắt	2	
17	Bàn mổ	1	
18	Bộ đặt khí quản	5	
19	Bộ dụng cụ phẫu thuật nội soi	5	
20	Bộ dụng cụ khám sản khoa	5	
21	Mô hình	3	
22	Đèn soi lấy ven	2	
23	Máy siêu âm điều trị	1	
24	Máy đo khúc xạ	1	
25	Máy đo nhãn áp hơi	2	
26	Máy chụp hình màu đáy mắt	1	
27	Máy đo thị trường	1	
28	Máy phân tích da	1	
29	Máy xông hơi	1	
30	Máy Laser	1	
31	Máy đốt điện cao tần	1	
32	Máy X quang	1	
33	Máy Siêu âm	1	
34	Máy theo dõi bệnh nhân	10	
35	Máy hấp dụng cụ	2	
36	Máy khí dung	2	
37	Đèn chiếu vàng da	1	
38	Bộ bàn ghế khám tai mũi họng	1	
39	Bộ nội soi tai mũi họng	3	
40			
IV	RĂNG HÀM MẶT		
1	Phòng học	5	
2	Bảng viết lớn	5	
3	Máy chiếu	1	

4	Máy tính	3	
5	Máy chiếu	5	
6	Máy đo huyết áp	10	
7	Ghế máy khám chữa răng	3	
8	Bộ nhổ răng	3	
9	Bộ chữa răng	3	
10	Bộ dụng cụ tiểu phẫu	15	
11	Motor nội nha	5	
12	Máy cấy ghép Implant	1	
13	Máy lấy cao răng	10	
V	KỸ THUẬT HÌNH ẢNH Y HỌC		
1	Phòng học	5	
2	Bảng viết lớn	5	
3	Máy chiếu	1	
4	Máy tính	3	
5	Máy chiếu	5	
6	X quang	1	
7	Máy Siêu âm	1	
8	Máy CT	1	
9	Máy MRI	1	
10	Quần áo bảo hộ	2	
VI	KỸ THUẬT XÉT NGHIỆM Y HỌC		
1	Phòng học	5	
2	Bảng viết lớn	5	
3	Máy chiếu	1	
4	Máy tính	3	
5	Máy chiếu	5	
6	Máy ly tâm	10	
7	Máy lắc tuýp máu	1	
8	Kính hiển vi	5	
9	Máy xét nghiệm sinh hóa tự động	1	
10	Máy xét nghiệm nước tiểu	1	
11	Máy đông máu tự động	1	
12	Máy đo tốc độ lắng tự động	1	
13	Máy phân tích máu lắng tự động	1	
14	Máy đếm tế bào 18 thông số	1	
			
VII	ĐIỀU DƯỠNG		
1	Phòng học	5	

Nhà

2	Bảng viết lớn	5	
3	Máy chiếu	1	
4	Máy tính	3	
5	Máy chiếu	5	
6	Máy điện tim	1	
7	Đo huyết áp	5	
8	Máy thở	5	
9	Máy hút	10	
10	Máy tạo Oxy	1	
11	Bơm truyền dịch	10	
12	Máy theo dõi bệnh nhân	10	
13	Xe tiêm truyền	5	
14	Xe thay băng	5	
15	Mô hình	3	
16	Ổng nghe	5	
.....			
VIII	Y SĨ		
1	Phòng học	5	
2	Bảng viết lớn	5	
3	Máy chiếu	1	
4	Máy tính	3	
5	Máy chiếu	5	
6	Đèn đọc phim	1	
7	Bơm Tiêm Điện	10	
8	Đo huyết áp	5	
9	Máy thở	5	
10	Máy hút	10	
11	Máy theo dõi bệnh nhân	10	
12	Xe tiêm truyền	5	
13	Xe thay băng	5	
.....			
IX	Y SĨ YHCT		
1	Phòng học	5	
2	Bảng viết lớn	5	
3	Máy chiếu	1	
4	Máy tính	3	
5	Máy chiếu	5	
6	Đèn đọc phim	1	
7	Bơm Tiêm	10	
8	Đo huyết áp	5	

10	Máy điện châm	25	
11	Kim châm cứu	40	
			
X	BÁC SĨ NỘI TRÚ CHUYÊN NGÀNH YHCT		
1	Phòng học	5	
2	Bảng viết lớn	5	
3	Máy chiếu	1	
4	Máy tính	3	
5	Máy chiếu	5	
6	Máy đo huyết áp	10	
7	Máy hút dịch	10	
8	Máy theo dõi bệnh nhân	10	
9	Máy tạo Oxy	1	
10	Máy điện tim	1	
11	Bơm Tiêm Điện	10	
12	Bơm truyền dịch	15	
13	Bàn mổ	1	
14	Bộ đặt khí quản	5	
15	Bộ dụng cụ phẫu thuật nội soi	5	
16	Mô hình	3	
17	Đèn soi lấy ven	2	
18	Máy siêu âm điều trị	1	
19	Máy xông hơi	1	
20	Máy Laser	1	
21	Máy đốt điện cao tần	1	
22	Máy X quang	1	
23	Máy Siêu âm	1	
24	Máy theo dõi bệnh nhân	10	
25	Máy hấp dụng cụ	2	
26	Máy khí dung	2	
27	Đèn chiếu vàng da	1	
			

Như

PHỤ LỤC 3

(Kèm theo bản công bố số 170 / BVCCTWW ngày 19 tháng 3 năm 2025)

Danh sách các khoa phòng tổ chức thực hành và số giường bệnh theo kế hoạch tại mỗi khoa phòng

STT	Tên trang thiết bị	Số giường	Ghi chú
1	Khoa Nội	40	
2	Khoa Lão	35	
3	Khoa Đột quỵ	35	
4	Trung tâm PHCN và Khí công dưỡng sinh	15	
5	Khoa Nhi	50	
6	Khoa Hồi sức cấp cứu	18	
7	Khoa Điều trị quốc tế	20	
8	Khoa Điều trị Cột sống	43	
9	Khoa Ngoại	5	
10	Trung tâm Điều trị và chăm sóc Bại não, Tự kỷ	86	
11	Phòng khám chuyên gia cao cấp	40	
12	Trung tâm Ứng dụng và phát triển Y dược cổ truyền		
13	Khoa Dược		
14	Khoa Xét nghiệm		
15	Khoa khám bệnh đa khoa		
16	Khoa chẩn đoán hình ảnh		
17	Khoa Ngũ quan		
	Tổng số	387	

Nhà

